**UC\_Đặt phòng**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Tên use case:** Đặt phòng Karaoke | |
| * **Mô tả sơ lược:** chức năng “Đặt phòng Karaoke” giúp cho người quản lý và nhân viên, giúp quản lý các thông tin phòng hát Karaoke | |
| * **Actor chính:** Nhân viên. | |
| * **Actor phụ:** không. | |
| * **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công | |
| * **Hậu điều kiện (Post-condition):** Nếu đặt phòng thành công thì hệ thống ghi nhận thông tin khách hàng. | |
| * **Luồng sự kiện chính (main flow):** | |
| **Nhân viên** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân viên chọn chức năng **Đặt phòng.** | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các phòng. |
| 1. Nhân viên chọn phòng theo yêu cầu của khách hàng. | 1. Hệ thống kiểm tra phòng. |
|  | 1. Hệ thống hiển thị form nhập thông tin khách hàng. |
| 1. Nhân viên nhập thông tin khách hàng (Họ tên, số điện thoại, …). | 1. Hệ thống hiển thị thông báo thành công. |
|  | 1. Cập nhật thông tin phòng. |
| 1. Nhân viên xác nhận. |  |
| * **Luồng sự kiện thay thế (alternative flow):** | |
|  |  |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** | |
|  | 4.1 Hệ thống hiển thị thông báo phòng này đã được đặt. |
| 4.2 Nhân viên xác nhận. | 4.3 Hệ thống quay lại bước 3. |

Diagram

Description automatically generated

**UC\_Lập hóa đơn**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Tên use case:** Lập hóa đơn | |
| * **Mô tả sơ lược:** nhân viên nhập thông tin khách hàng cần thanh toán, hệ thống liệt kê các chi phí, dịch vụ đã sử dụng của khách hàng vào hóa đơn. | |
| * **Actor chính:** Nhân viên lễ tân | |
| * **Actor phụ:** không. | |
| * **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công | |
| * **Hậu điều kiện (Post-condition):** Nếu lập hóa đơn thành công hiện thông báo thành công | |
| * **Luồng sự kiện chính (main flow):** | |
| **Nhân viên lễ tân** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân viên chọn chức năng **lập hóa đơn** | 1. Hệ thống hiện giao diện lập hóa đơn |
| 1. Nhập thông tin khách hàng 2. Nhập thông tin phòng của khách hàng | 1. Hệ thống hiển thị thông tin và giá tiền cần thanh toán các dịch vụ mà khách hàng đã sử dụng. |
| 1. Nhân viên chọn tạo hóa đơn | 1. Hệ thống thông báo thành công |
|  | 1. Hệ thống lưu vào csdl |
| 1. Nhân viên xác nhận. |  |
| * **Luồng sự kiện thay thế (alternative flow):** | |
|  |  |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** | |
|  | 3.1 Không tìm thấy KH, thông báo không tìm thấy  3.2 Quay lại bước 2 |
| 6.1 Hủy tạo hóa đơn. |  |

Diagram

Description automatically generated

A picture containing graphical user interface

Description automatically generated

**UC\_doiphong**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Tên use case:** Đổi phòng | |
| * **Mô tả sơ lược:** lễ tân sẽ đổi phòng theo yêu cầu của khách hàng, khi đổi phòng mọi chi phí sử dụng ở phòng cũ sẽ được cộng qua phòng mới | |
| * **Actor chính:** Nhân viên lễ tân | |
| * **Actor phụ:** không. | |
| * **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công, đã đặt phòng mới có thể đổi phòng | |
| * **Hậu điều kiện (Post-condition):** Nếu đổi phòng thành công hiện thông báo thành công và cập nhật lại phòng cũ | |
| * **Luồng sự kiện chính (main flow):** | |
| **Nhân viên lễ tân** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân viên chọn chức năng đổi phòng | 1. Hệ thống hiện form đổi phòng |
| 1. Nhập thông tin khách hàng và phòng cần đổi | 1. Kiểm tra tình trạng phòng cần đổi |
|  | 1. Hệ thống kết thúc phòng cũ |
|  | 1. Lưu tổng chi phi phòng cũ vào hóa đơn thanh toán |
|  | 1. Lưu tổng chi phi phòng cũ vào hóa đơn thanh toán |
|  | 1. Cập nhật lại danh sách tình trạng phòng |
|  | 1. Thông báo thành công |
| 1. Xác nhận và kết thúc |  |
| * **Luồng sự kiện thay thế (alternative flow):** | |
|  |  |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** | |
|  | 4.1 Nếu hết phòng trống, thông báo lỗi |
| 4.2 Quay lại bước 3 |  |

Diagram, schematic

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

**UC\_Hủy phòng**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Tên use case:** Hủy phòng | |
| * **Mô tả sơ lược:** nhân viên hủy phòng mà khách hàng đã đặt theo yêu cầu của khách hàng. | |
| * **Actor chính:** Nhân viên lễ tân | |
| * **Actor phụ:** không. | |
| * **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công | |
| * **Hậu điều kiện (Post-condition):** Nếu hủy phong thành công hiện thông báo thành công, cập nhật lại trạng thái phòng | |
| * **Luồng sự kiện chính (main flow):** | |
| **Nhân viên lễ tân** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân viên chọn chức năng **hủy phòng** | 1. Hệ thống hiện danh sách phòng |
| 1. Nhân viên nhập thông tin phòng muốn hủy. | 1. Hiện thông báo xác nhận muốn hủy |
| 1. Chọn hủy | 1. Hệ thống thông báo thành công |
|  | 1. Hệ thống cập nhật lại danh sách |
| 1. Nhân viên xác nhận. |  |
| * **Luồng sự kiện thay thế (alternative flow):** | |
|  |  |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** | |

Diagram

Description automatically generated

Graphical user interface, application, Word

Description automatically generated

**UC\_Xuất hóa đơn**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Tên use case:** Xuất hóa đơn | |
| * **Mô tả sơ lược:** Sau khi lập hóa đơn thanh toán, khách hàng muốn xuất hóa đơn nhân viên chọn chức năng xuất hóa đơn, hệ thống hiển thị thông tin hóa đơn của khách hàng và in ra | |
| * **Actor chính:** Nhân viên lễ tân | |
| * **Actor phụ:** không. | |
| * **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công | |
| * **Hậu điều kiện (Post-condition):** Nếu lập hóa đơn thành công hiện thông báo thành công | |
| * **Luồng sự kiện chính (main flow):** | |
| **Nhân viên lễ tân** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân viên chọn chức năng **xuất hóa đơn** | 1. Hệ thống hiện xác nhận muốn xuất hóa đơn |
| 1. Chọn xác nhận. | 1. In hóa đơn |
|  | 1. Hệ thống thông báo thành công |
|  | 1. Hệ thống lưu vào csdl |
| 1. Nhân viên xác nhận. |  |
| * **Luồng sự kiện thay thế (alternative flow):** | |
|  |  |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** | |
|  |  |

Diagram, schematic

Description automatically generated

Chart, diagram

Description automatically generated with medium confidence

**UC\_Tra cứu hóa đơn**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Tên use case:** Tra cứu hóa đơn | |
| * **Mô tả sơ lược:** Sau khi lập hóa đơn thanh toán, nhân viên có thể quay lại tìm hóa đơn đã lập | |
| * **Actor chính:** Nhân viên lễ tân | |
| * **Actor phụ:** không. | |
| * **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công | |
| * **Hậu điều kiện (Post-condition):** Nếu lập hóa đơn thành công hiện thông báo thành công | |
| * **Luồng sự kiện chính (main flow):** | |
| **Nhân viên lễ tân** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân viên chọn chức năng **tìm kiếm hóa đơn** | 1. Hệ thống hiện giao diện tìm hóa đơn theo ngày |
| 1. Nhân viên nhập ngày lập hóa đơn | 1. Hệ thống kiểm tra và hiện tất cả hóa đơn của ngày đó |
| 1. Nhân viên xác nhận |  |
| * **Luồng sự kiện thay thế (alternative flow):** | |
|  |  |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** | |
|  |  |

Diagram, schematic

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated